

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

Ngày 30/09/2025	17,250 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.9%	-2.0%	-

DT thuần Q3/25	237	tỷ VNĐ
	QoQ: ▲ 56.0 31.1%	YoY: ▼250 -51.3%

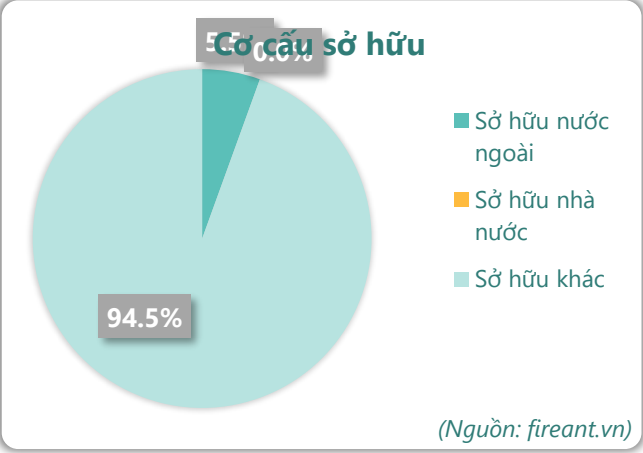
LN thuần Q3/25	17.7	tỷ VNĐ
	QoQ: ▲ 2.00 12.5%	YoY: ▼19.1 -52.0%

LN sau thuế Q3/25	2.81	tỷ VNĐ
	QoQ: ▲ 0.32 12.7%	YoY: ▼11.6 -80.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	19.0%
	YoY: +/- ▼ 1.8%

ROE (TTM) Q3/25	21.0%
	YoY: +/- ▼ 0.6%

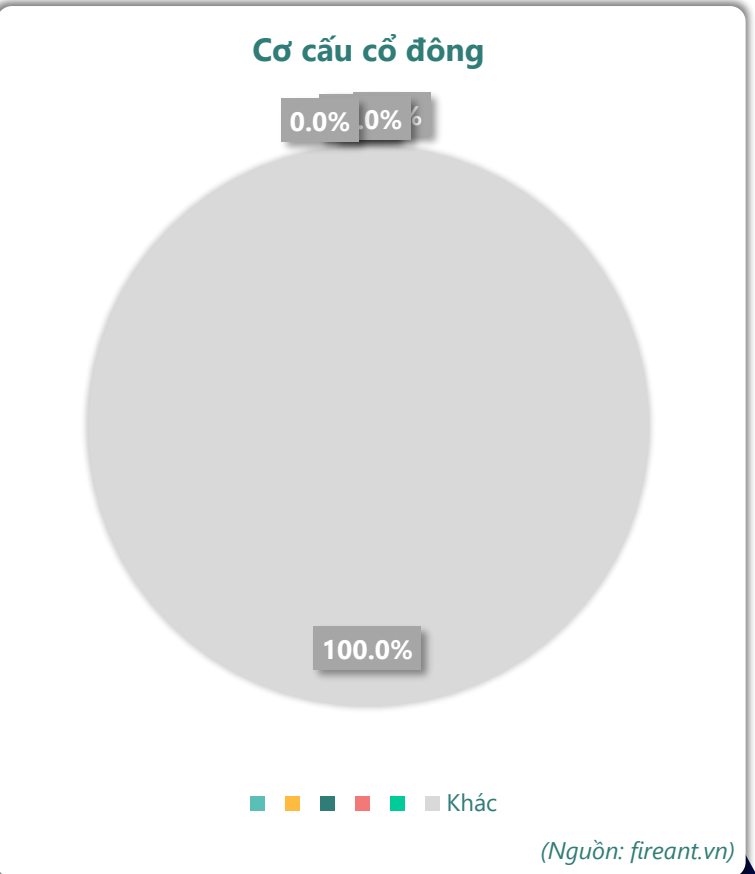
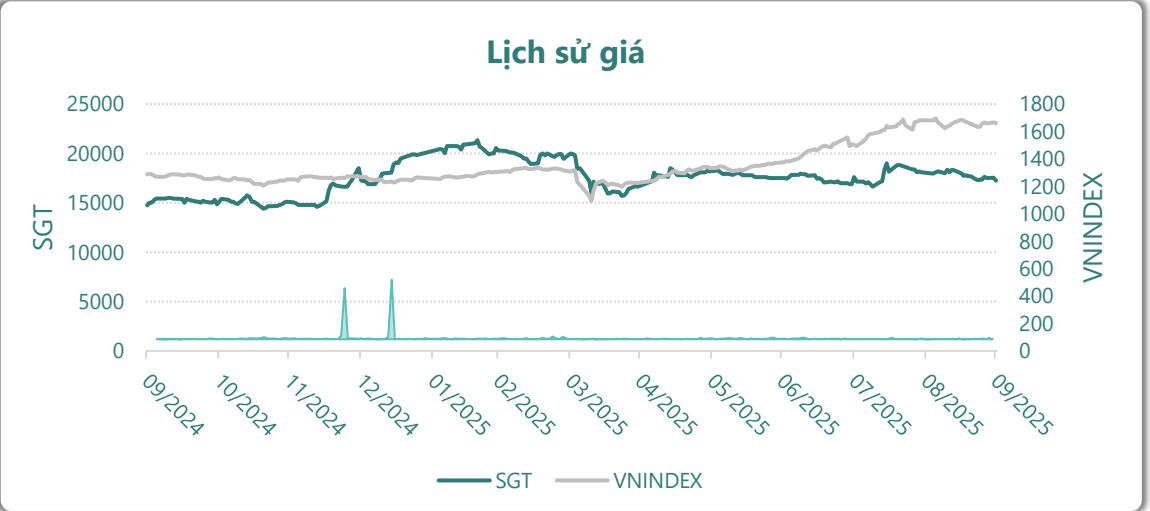
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,400 - 21,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,553
Số lượng CPLH (CP)	148,003,208
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,905
Sở hữu nước ngoài	5.5%
Beta	0.71
EPS	3,142
P/E	5.5



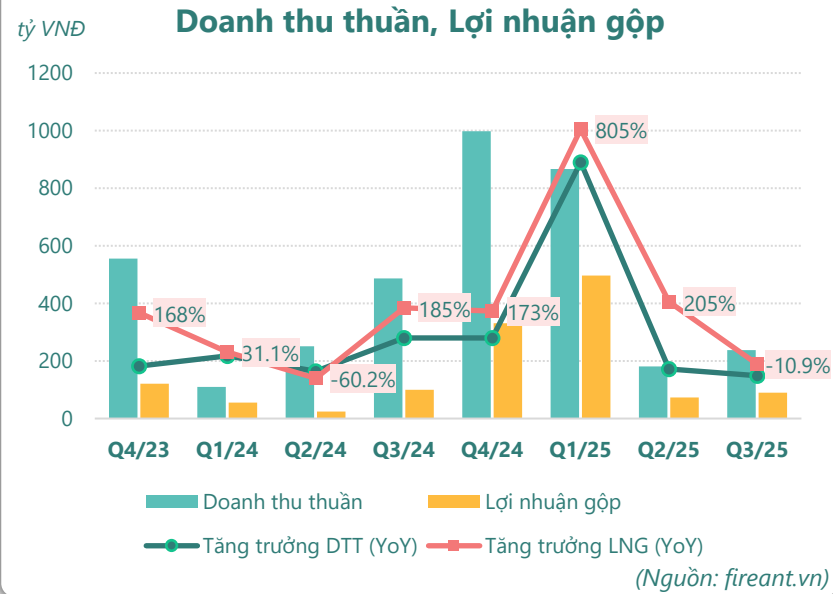
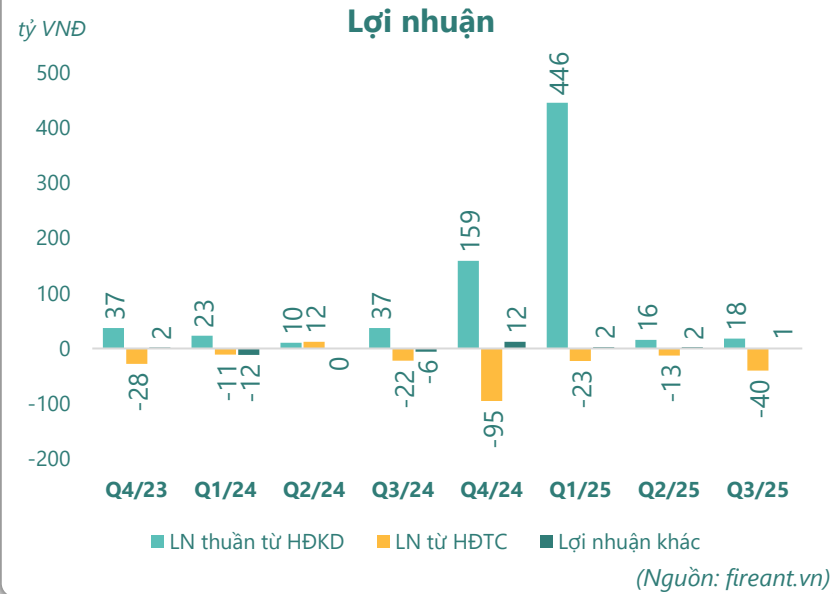
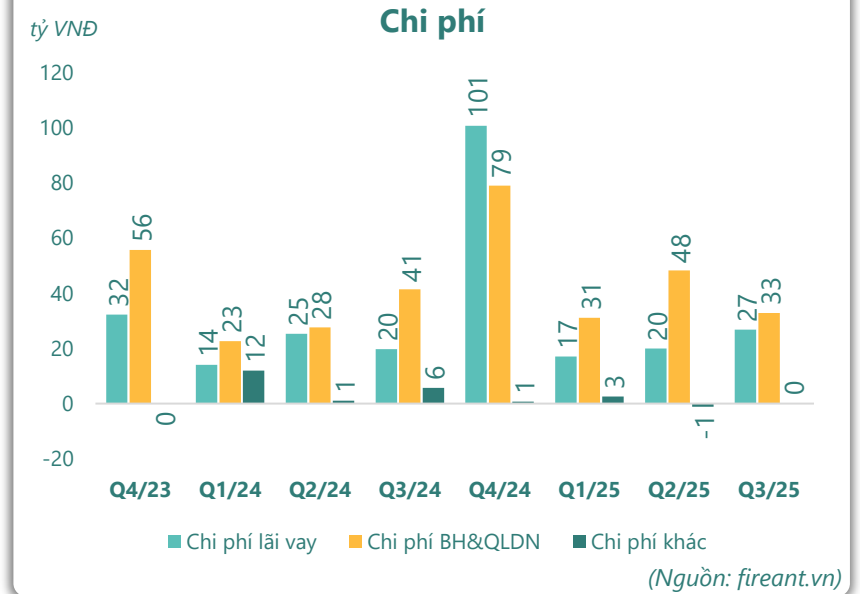
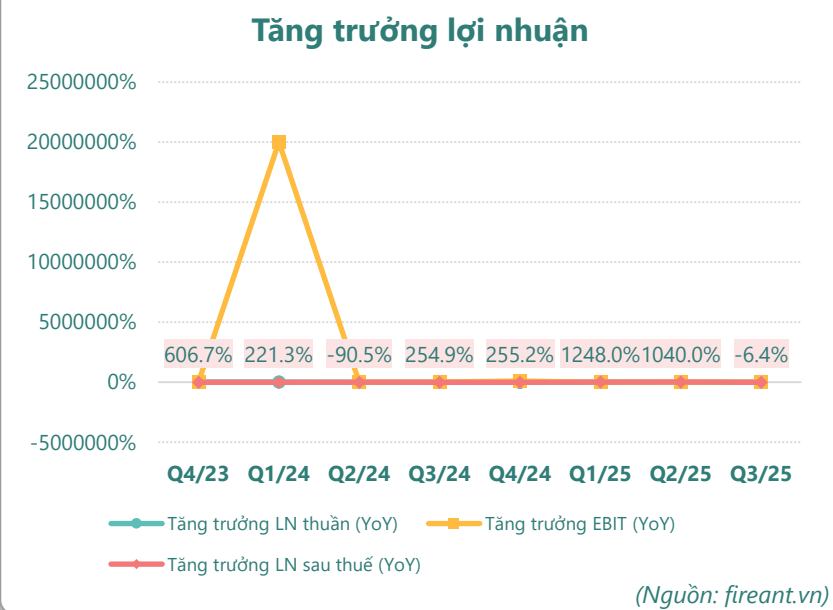
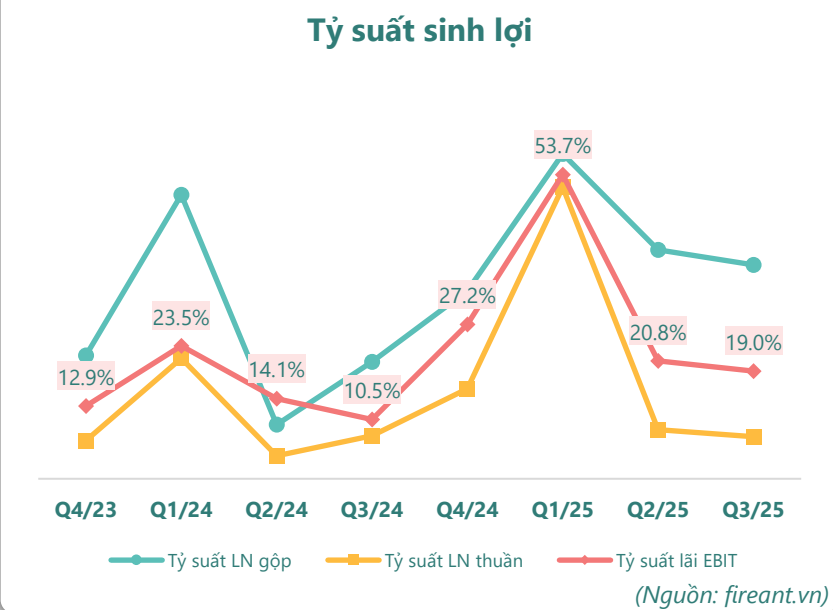
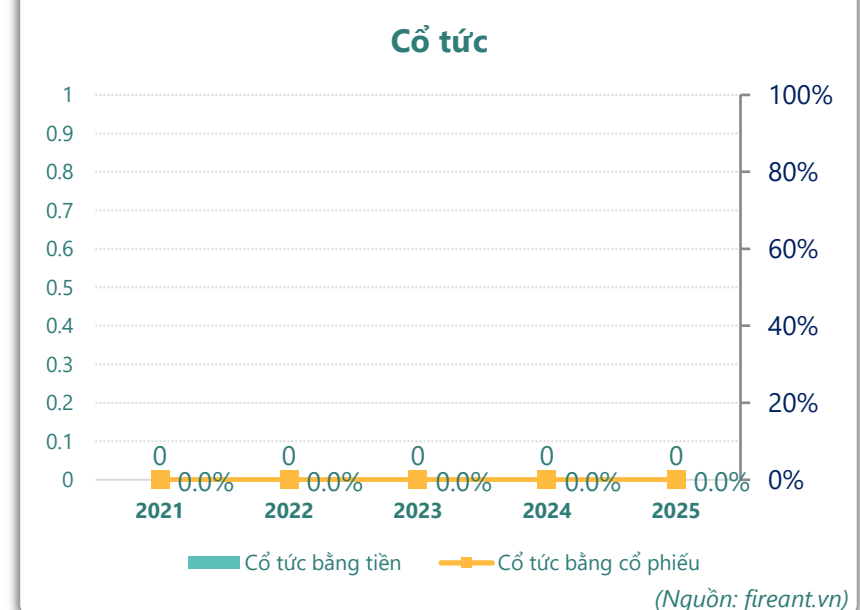
DT thuần 9T 2025	1,285	tỷ VNĐ
	YoY: ▲ 438 51.6%	

LN thuần 9T 2025	479	tỷ VNĐ
	YoY: ▲ 409 582%	

LN sau thuế 9T 2025	357	tỷ VNĐ
	YoY: ▲ 329 1182%	



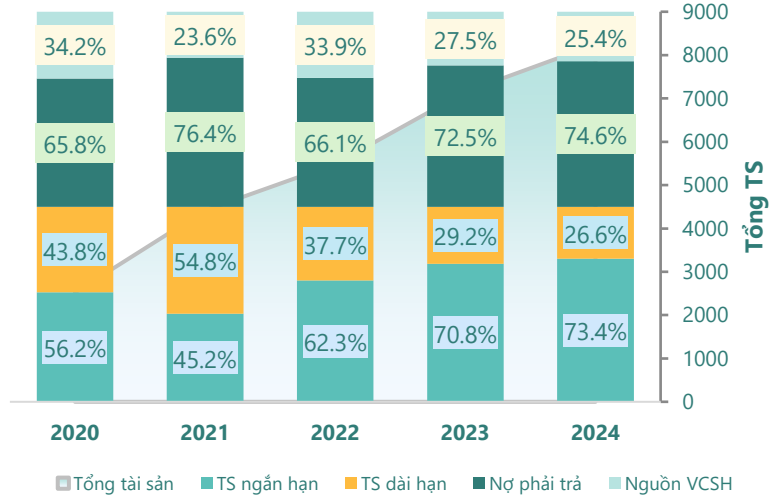
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

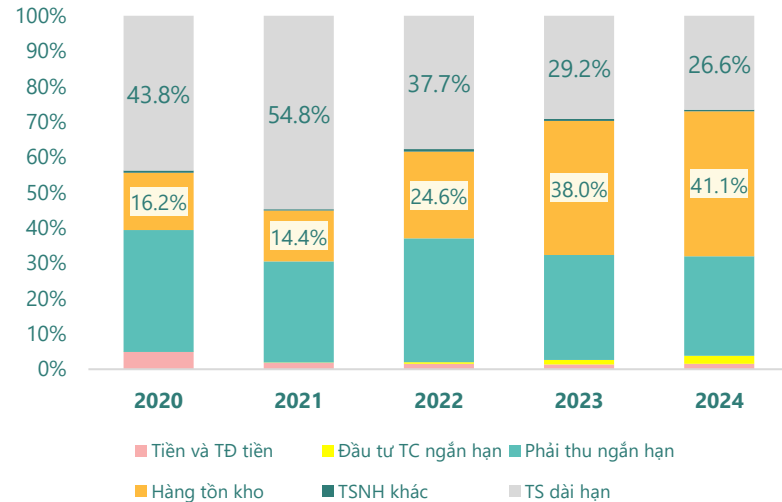
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

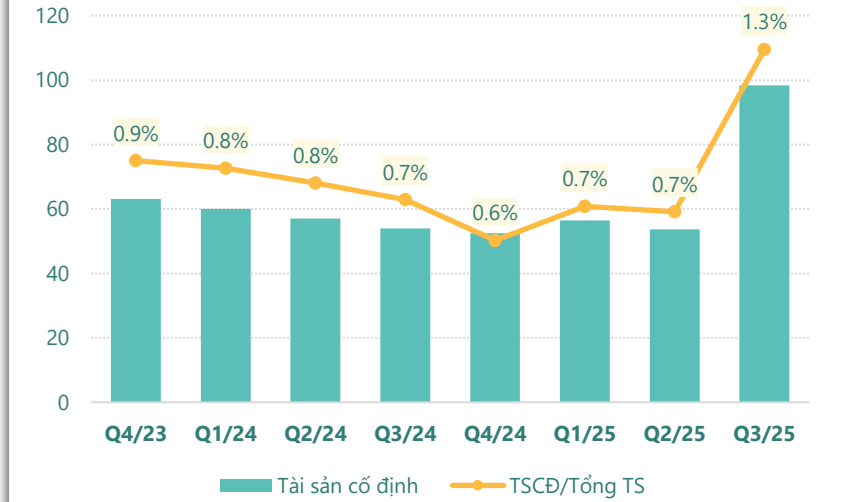
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

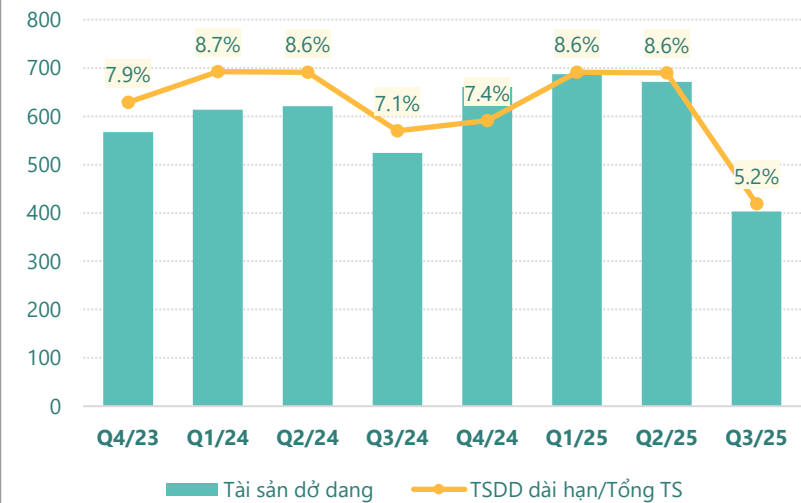
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

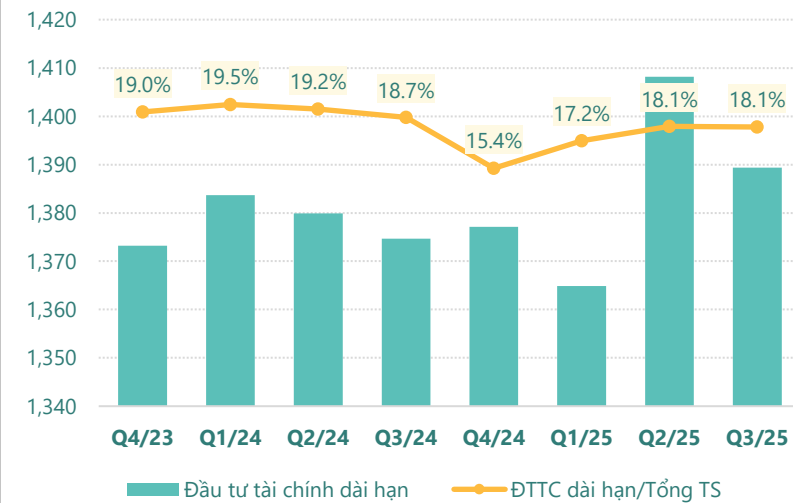
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

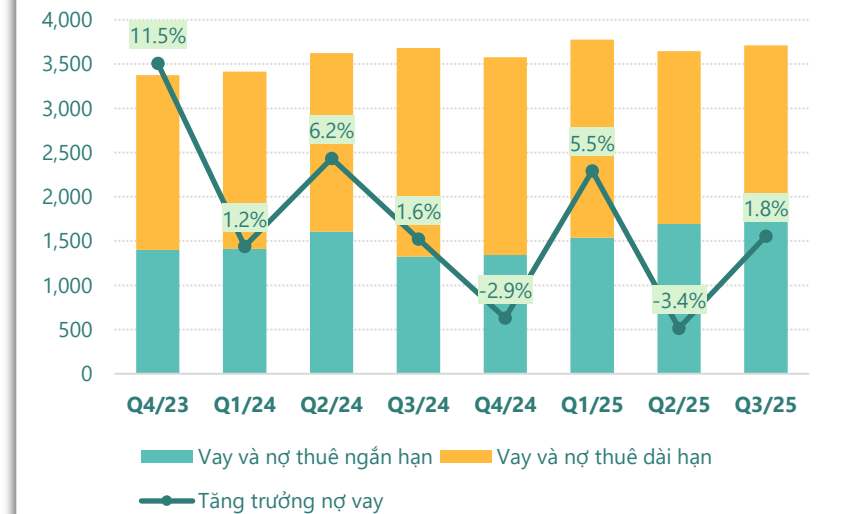
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

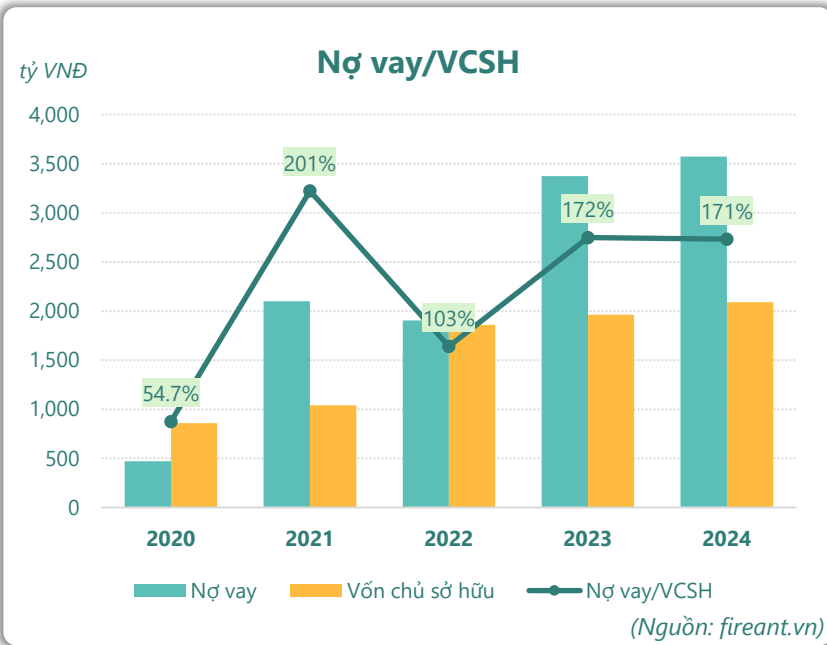
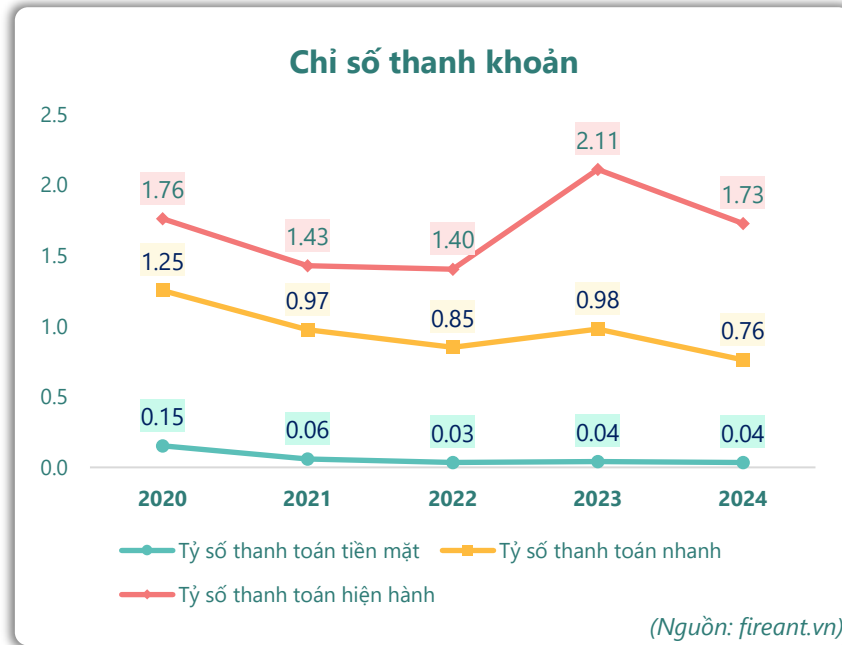
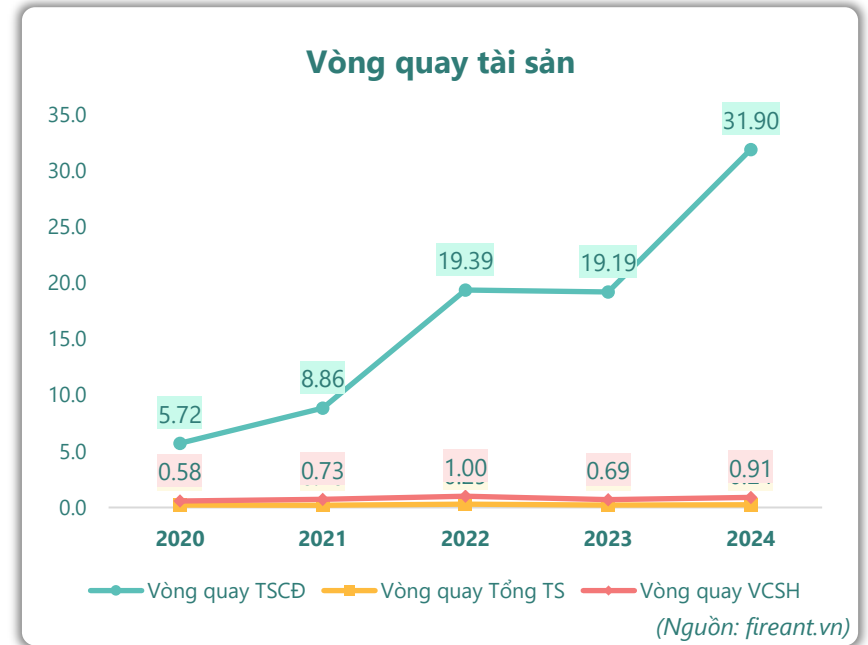
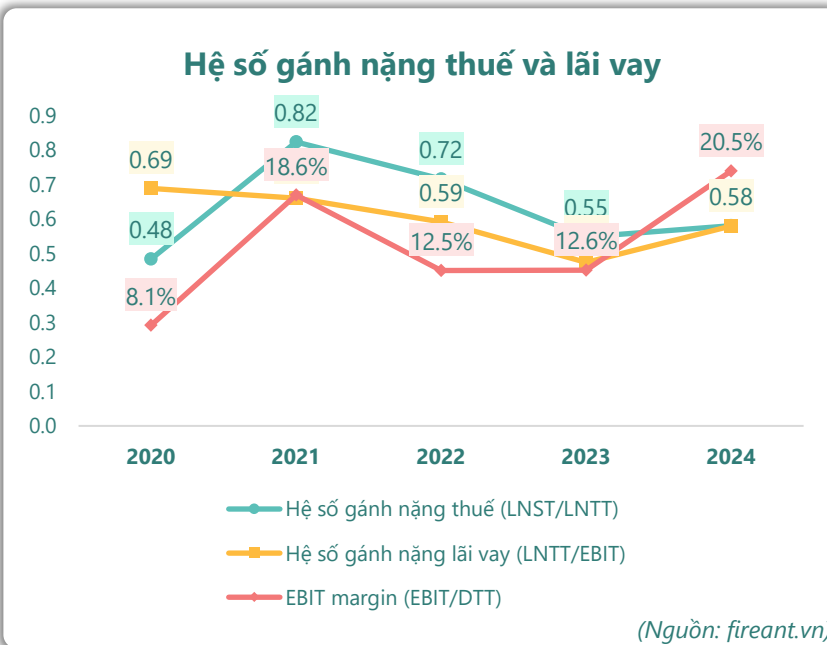
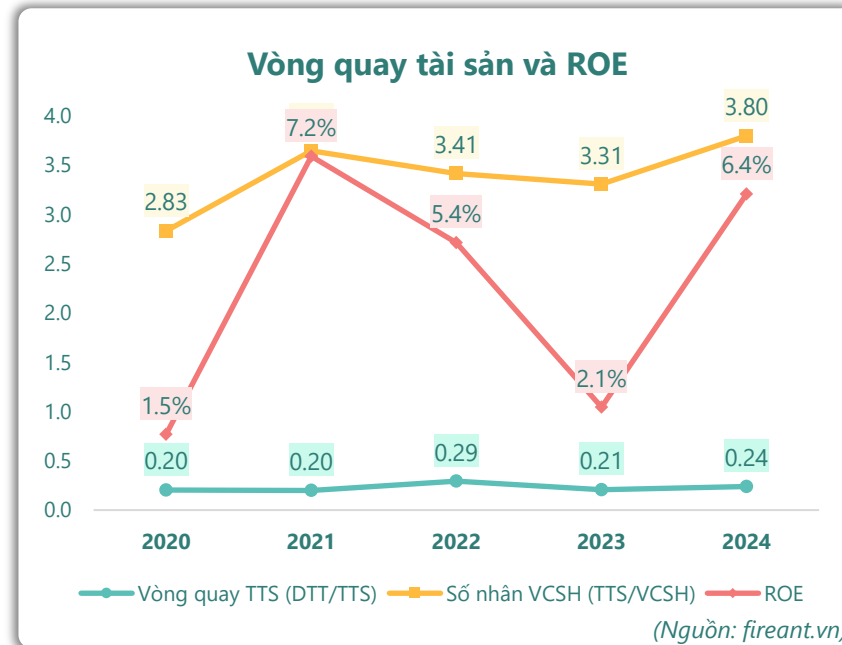
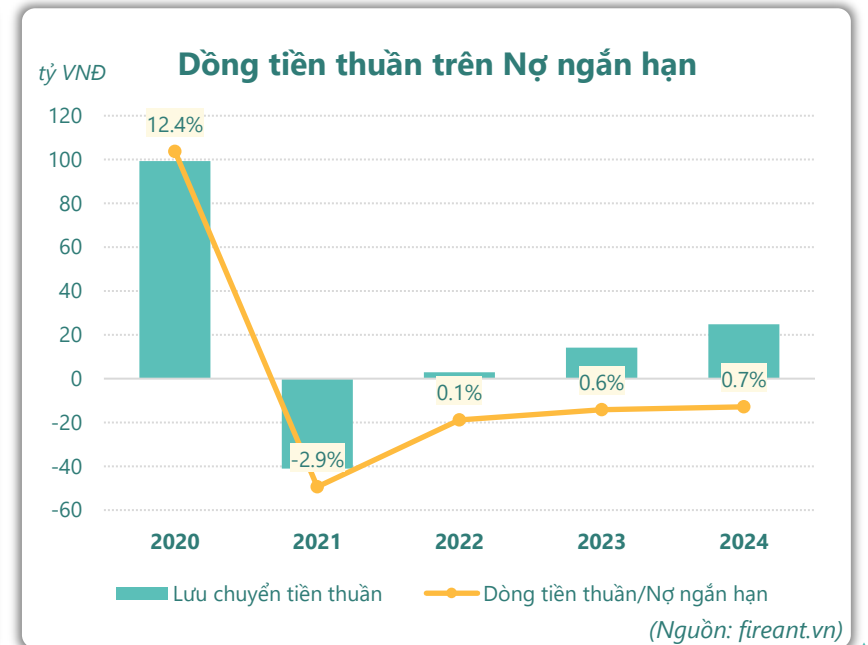
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	237	487	-51.3%	1,285	847	51.6%
Giá vốn hàng bán	148	386	-61.7%	625	668	-6.4%
Lợi nhuận gộp	89.5	100	-10.5%	660	179	268%
Doanh thu HĐTC	6.55	2.83	131%	18.6	49.1	-62.1%
Chi phí TC	46.9	25.1	86.8%	94.7	69.9	35.4%
Chi phí lãi vay	26.8	19.7	36.0%	63.8	59.1	8.0%
LN trong công ty LKLD	1.30	0.15	769%	7.99	3.61	122%
Chi phí bán hàng	2.30	1.52	51.3%	4.97	2.27	119%
Chi phí QLDN	30.5	39.9	-23.5%	107	89.5	19.9%
LN thuần từ HĐKD	17.7	36.8	-52.0%	479	70.3	582%
Lợi nhuận khác	0.68	-5.71	112%	4.77	-17.3	128%
LN trước thuế	18.3	31.1	-41.0%	484	53.0	814%
Lợi nhuận sau thuế	2.81	14.4	-80.5%	357	27.8	1182%
LNST của CĐ cty mẹ	4.53	16.4	-72.4%	363	31.8	1040%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-217	-141	318	106	-0.94	-35.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.0	101	-159	-260	-6.09	62.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	216	56.4	-131	152	-79.0	-38.8
Tiền đầu kỳ	69.8	78.8	95.4	124	121	34.9
Lưu chuyển tiền thuần	8.99	16.6	28.2	-2.63	-86.0	-11.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.06	-0.06	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	78.8	95.4	124	121	34.9	23.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,697	8,245	-6.6%
Tài sản ngắn hạn	5,454	6,055	-9.9%
Tiền và tương đương tiền	23.1	124	-81.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	224	187	19.7%
Phải thu ngắn hạn	1,440	2,323	-38.0%
Hàng tồn kho	3,701	3,385	9.3%
Tài sản ngắn hạn khác	64.6	35.9	79.9%
Tài sản dài hạn	2,243	2,190	2.4%
Phải thu dài hạn	68.3	74.8	-8.7%
Tài sản cố định	98.4	52.5	87.5%
Bất động sản đầu tư	264	15.4	1613%
Tài sản dở dang	403	662	-39.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,389	1,372	1.3%
Tài sản dài hạn khác	14.2	5.03	183%
Lợi thế thương mại	6.00	7.50	-20.0%
Nợ phải trả	5,249	6,153	-14.7%
Nợ ngắn hạn	2,961	3,503	-15.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,724	1,395	23.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	303	509	-40.5%
Nợ dài hạn	2,288	2,651	-13.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,986	2,177	-8.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,448	2,091	17.0%
Vốn chủ sở hữu	2,448	2,091	17.0%
Vốn điều lệ	1,480	1,480	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

